

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1596* /SNV-XDCQ
V/v lấy ý kiến xây dựng
nghị quyết của HĐND tỉnh

Đắk Nông, ngày 04 tháng 10 năm 2019

Kính gửi:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Thông báo số 35/TB-HĐND ngày 24/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về kết luận Phiên họp thường kỳ tháng 9/2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó, thống nhất bổ sung vào nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 09, khóa III (*tháng 12 năm 2019*) đối với Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Để thực hiện việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh đảm bảo thời gian và theo đúng quy định pháp luật, Sở Nội vụ kính đề nghị:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tỉnh; các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn góp ý dự thảo nội dung xây dựng nghị quyết "*quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*", (có các dự thảo kèm theo).

- Văn phòng UBND tỉnh phối hợp đăng tải nội dung đề nghị xây dựng Nghị quyết lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông tại địa chỉ: <http://daknong.gov.vn/>.

Văn bản góp ý gửi về Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông trước ngày **4/11/2019** để tổng hợp, quá thời hạn trên quý cơ quan, đơn vị không có ý kiến bằng văn bản coi như thống nhất.

Vậy, Sở Nội vụ kính mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan, đơn vị. *Đuân*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDCQ.

GIÁM ĐỐC



Đoàn Văn Quỳnh

Số: /TTr-SNV

Đắk Nông, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2019-NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Sở Nội vụ kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh Nghị quyết “*về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố (gọi tắt là thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*”, cụ thể như sau:

I. Căn cứ pháp lý

Nghị quyết này được xây dựng trên các căn cứ sau đây:

1. Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
2. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 22 tháng 6 năm 2015;
3. Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;
4. Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;
5. Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
6. Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;
7. Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

8. Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

9. Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Dân quân tự vệ;

10. Căn cứ Nghị định số 34/2019-NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

11. Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

II. Sự cần thiết ban hành văn bản

Qua hơn 05 năm thực hiện chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh đã tồn tại nhiều bất cập, hạn chế cụ thể như sau:

1. Về quy định đóng bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó quy định chỉ hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện cho 03 đối tượng là Phó Công an xã, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự xã và Văn thư – lưu trữ với mức đóng bằng 70% theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam số 58/2014/QH13 có hiệu lực một phần ngày 01/01/2016, trong đó tại Điểm i, Khoản 1, Điều 2 quy định các chức danh không chuyên trách cấp xã thuộc đối tượng đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Như vậy, quy định về đóng BHXH đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định ở Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND nêu trên không còn phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam số 58/2014/QH13.

2. Về quy định số lượng, mức phụ cấp

a) Đối với các danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã

Tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh, có quy định mức phụ cấp đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã là 1,1 mức lương cơ sở, phụ cấp đặc thù là 0,55 mức lương cơ sở, không quy định cụ thể số lượng Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã.

Tuy nhiên, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của luật Dân quân tự vệ, trong đó có quy định:

- Tại Điều 9 có quy định đối với cấp xã loại 1, loại 2 được bố trí 02 Phó Chỉ huy trưởng Quân sự do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, cấp xã loại 3 bố trí 01 Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.

- Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17, quy định mức phụ cấp của Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã là 1,0 mức lương cơ sở;

- Tại Khoản 2, Điều 19 quy định mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: Phụ cấp hàng tháng, phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị, phụ cấp thâm niên.

Như vậy, một số quy định đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND không còn phù hợp với Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Đối với các chức danh không chuyên trách khác

Thực hiện việc sắp xếp tinh gọn đội ngũ không chuyên trách ở cơ sở theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương tại Nghị quyết số 18-NQ-TW và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Nghị quyết số 18-NQ/TU.

Theo đó sắp xếp lại đội ngũ không chuyên trách ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, đồng thời tăng thu nhập cho các đối tượng này.

Về số lượng:

- Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

+ Xã loại 1 bố trí không quá 11 người.

+ Xã loại 2 bố trí không quá 10 người.

+ Xã loại 3 bố trí không quá 09 người.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Bố trí không quá 05 người (*trường hợp địa bàn rộng, chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, hay thuộc xã phức tạp về an ninh, quốc phòng bố trí không quá 06 người*).

- Bên cạnh đó tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành từ ngày 26/6/2019 có quy định:

+ Xã loại 1 bố trí không quá 14 người.

+ Xã loại 2 bố trí không quá 12 người.

+ Xã loại 3 bố trí không quá 10 người.

- Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước.

Như vậy, số lượng người hoạt động không chuyên trách hiện nay ở cơ sở còn dàn trải chưa đảm bảo theo các định hướng quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Trung ương và Nghị quyết số 18-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và theo tinh thần Nghị định số 34/2019/NĐ-CP nêu trên.

3. Về mức phụ cấp kiêm nhiệm

Tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh có quy định *mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người hoạt động ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố là 30% mức phụ cấp cao nhất và quy định việc khoán kinh phí hỗ trợ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã*; qua thực tiễn nhận thấy việc chi trả phụ cấp kiêm nhiệm như trên là rất thấp, chưa khuyến khích được việc kiêm nhiệm của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người hoạt động ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố.

III. Mục đích, quan điểm xây dựng văn bản

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết mới của HĐND tỉnh về chế độ, chính sách cho những người không chuyên trách ở cơ sở theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Tinh gọn đội ngũ những người không chuyên trách ở cơ sở, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, đồng thời tăng mức thu nhập cho những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Việc xây dựng nghị quyết mới phải đảm bảo theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Cơ chế, chính sách cơ bản được xây dựng trên quy định của nhà nước. Trong đó tập trung trên nguồn ngân sách của Trung ương, đồng thời địa phương tự cân đối thêm nhằm đảm bảo việc đảm bảo việc chi trả, chế độ, chính sách phù hợp với thực tiễn của tỉnh Đắk Nông.

Đảm bảo hài hòa trong việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ những người không chuyên trách ở cơ sở, hạn chế việc xáo trộn, chông chéo giữa các lĩnh vực.

IV. Quá trình xây dựng

Trên cơ sở Kết luận số 64-KL/BCS ngày 20/02/2019 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trong đó giao Sở Nội vụ tham mưu xây dựng nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh vào năm 2020. Ngày 17/6/2019, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 958/SNV-XDCQ gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan về việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong đó, có đề nghị đăng tải lên cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông. Sau đó, Sở Tư pháp đã thẩm định tại Công văn số 35/BCTĐ-STP ngày 16/8/2019.

Sở Nội vụ đã trình UBND tỉnh về xem xét về đề nghị xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh tại các Tờ trình số: 461/TTr-SNV ngày 22/8/2019; Tờ trình số 489/TTr-SNV ngày 05/9/2019.

Ngày 19/9/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Tờ trình số 4514/TTr-UBND tỉnh xin chủ trương của Thường trực HĐND tỉnh trong đó có nội dung ban hành nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh.

Ngày 24/9/2019, Thường trực HĐND tỉnh ban hành Thông báo số 35/TB-HĐND về Kết luận phiên họp thường kỳ tháng 9 năm 2019 trong đó đồng ý chủ trương về xây dựng Nghị quyết về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở và các đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trình HĐND tỉnh vào kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa III, tháng 12/2019.

V. Bộ cục, nội dung

1. Bộ cục, nội dung dự thảo Nghị quyết gồm 02 Điều

- **Điều 1:** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở và các đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- **Điều 2:** Giao cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm báo cáo HĐND tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng 12 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khoá III, kỳ họp thứ 9 thông qua.

2. Bộ cục và nội dung cơ bản của quy định kèm theo nghị quyết

2.1. Bộ cục gồm 3 chương, 16 Điều.

2.2. Nội dung

2.2.1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Chức danh:

- Cán bộ Đài truyền thanh – Nhà văn hóa.
- Cán bộ Văn phòng – Tổ chức – Kiểm tra Đảng.
- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự.
- Phó Trưởng Công an (*nơi không bố trí công an chính quy*).
- Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã.
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi.

- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó Chủ tịch Hội CCB.
- Phó Chủ tịch Hội LHPN.
- Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM.
- Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ.

Tổng cộng gồm 13 chức danh.

- So với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì giảm một số chức danh không chuyên trách như sau:

+ Chức danh Cán bộ Lao động - Thương binh và xã hội có nhiệm vụ trùng lặp với nhiệm vụ được giao của công chức Văn hóa - xã hội, cả tỉnh chỉ bố trí 19/71 người; chức danh Cán bộ Kế hoạch - giao thông - thủy lợi - nông, lâm nghiệp có nhiệm vụ trùng lặp với nhiệm vụ được giao của chức danh công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường), cả tỉnh chỉ bố trí được 29/71 người (*theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn*) nên không đưa vào những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

+ Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng ban Tuyên giáo, Trưởng ban Tổ chức, lý do: Các chức danh này do cán bộ xã kiêm nhiệm.

+ Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh gộp với cán bộ Kỹ thuật đài và phụ trách nhà văn hóa thành 01 chức danh, vì các chức danh này có nhiệm vụ tương đồng, thời gian làm việc tương đối ít, bên cạnh đó cả tỉnh hiện bố trí rất ít các chức danh này (79/213 người).

- Một số chức danh mới: Cán bộ Văn phòng – Tổ chức – Kiểm tra Đảng. Hiện một số tỉnh đã xây dựng Nghị quyết về chế độ chính sách đối với những người không chuyên trách cấp xã định hướng số lượng theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, trong đó chỉ bố trí 01 chức danh làm công tác đảng ở cấp xã (*ví dụ: Thành phố Hà Nội, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Định*). Bên cạnh đó, số lượng người không chuyên trách ở cấp xã hiện giảm mạnh (*khoảng 10 người /đơn vị cấp xã*) nên việc bố trí 01 chức danh làm công tác đảng là phù hợp.

2.1.2. Số lượng:

Số lượng những người không chuyên trách ở cấp xã được bố trí phù hợp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 12/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông, cụ thể:

- Cấp xã loại 1: bố trí tối đa 12 người.
- Cấp xã loại 2: Bố trí tối đa 11 người.
- Cấp xã loại 3: Bố trí tối đa 10 người.

2.1.3. Mức phụ cấp:

- Cơ sở tính phụ cấp, đợt trước tăng khoảng trên 10 %. Bên cạnh đó, ngân sách của tỉnh đang trong thời kỳ ổn định việc tăng phụ cấp cơ bản thực hiện trên việc tinh gọn đội ngũ không chuyên trách ở cơ sở, về cơ bản không phát sinh ngân sách địa phương.

ST T	Chức danh	Mức phụ cấp cũ	Mức đề xuất	Số lượng	Số % tăng, giảm so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND	Ghi chú
1	Phó Chi huy Quân sự	1,65	≥ 1,5	142	Giảm khoảng 13%	
2	Phó Trưởng Công an	1,65	1,8	66	Tăng 4,29%	
3	Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ	1,1	1,8	71	Tăng 17,96%	
4	Cán bộ Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng	1,1	1,8	71	Mới	
5	Phụ trách công tác Đài truyền thanh - Nhà văn hóa	1,0	1,6	71	Mới	
6	Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã	1,0	1,2	142	Tăng 20%	
7	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1,0	1,2	71	Tăng 20%	
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,0	1,2	71	Tăng 20%	
9	Phó Chủ tịch Hội CCB	1,0	1,1	71	Tăng 22,22%	
10	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,0	1,1	71	Tăng 22,22%	
11	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	0,9	1,1	71	Tăng 22,22%	
12	Phó Chủ tịch Hội LHPN	0,9	1,1	71	Tăng 22,22%	
Tổng				994		

2.2. Người không chuyên trách ở thôn

a) Chức danh và số lượng

Thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ. Số lượng không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghị quyết mới quy định gồm có 03 người và 03 chức danh, cụ thể:

- Bí thư chi bộ thôn.
- Trưởng thôn.
- Trưởng ban Công tác mặt trận thôn.

So với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh thì giảm được 11 chức danh không chuyên trách (*Phó Bí thư chi bộ, Phó thôn, Phó ban Công tác mặt trận, Trưởng, phó các chi hội: Nông dân, phụ nữ, đoàn thanh niên, cựu chiến binh*).

Đối với 11 chức danh được giảm nêu trên, thì một số chức danh được nghiên cứu để hưởng bồi dưỡng kinh phí hoạt động ở phần dưới.

b) Mức phụ cấp

Nhìn chung, nhiều thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sống phân tán, thành phần dân cư khá phức tạp làm tăng chi phí đi lại công tác của những người hoạt động ở thôn, tổ dân phố, bên cạnh đó ngày công lao động trên địa bàn tỉnh tương đối cao (tương đương 200.000đ/ngày), vật giá tiêu dùng trên địa bàn tỉnh cao hơn mặt bằng chung của cả nước. Do đó, mức phụ cấp đối với những người không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố cần được tăng thêm hợp lý, Sở Nội vụ đề xuất cụ thể như sau:

- Đối với thôn thuộc xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn:

+ Bí thư chi bộ: 1,2 mức lương cơ sở/tháng. Tăng 50% so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

+ Trưởng thôn: 1,2 mức lương cơ sở/tháng. Tăng 50% so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

+ Trưởng ban Công tác mặt trận thôn: 0,7 mức lương cơ sở/tháng. Tăng 100% so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

- Đối với thôn còn lại:

+ Bí thư chi bộ: 1,1 mức lương cơ sở/tháng. Tăng 46,67% so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

+ Trưởng thôn: 1,1 mức lương cơ sở/tháng. Tăng 46,67% so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

+ Trưởng ban Công tác mặt trận thôn: 0,60 mức lương cơ sở/tháng. Tăng 71,43% so với Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

2.3. Về các chức danh khác

2.3.1. Đối với cấp xã

a) Bảo vệ dân phố:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố, về số lượng và chức danh và mức phụ cấp như sau:

+ Trưởng ban bảo vệ dân phố: Mỗi Phường hoặc thị trấn bố trí 01 Trưởng ban (*tổng cộng 10 Trưởng ban*), mức phụ cấp 0,7 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Phó Trưởng ban: Mỗi phường hoặc thị trấn bố trí 01 Phó Trưởng ban (*tổng cộng 10 Phó Trưởng ban*), mức phụ cấp 0,6 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Tổ trưởng: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 Tổ trưởng (*tổng cộng 72 Tổ viên*), mức phụ cấp 0,50 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Tổ phó: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 Tổ phó (*tổng cộng 72 Tổ viên*), mức phụ cấp 0,40 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Tổ viên: Mỗi tổ dân phố gồm 01 đến 05 Tổ viên (*tổng cộng có tối đa 360 Tổ viên*), mức phụ cấp 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Công an viên (*không phải chính quy*): Thực hiện theo Nghị định số 73/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

- Về số lượng: Hiện trên địa bàn tỉnh còn 89 người (*số lượng sẽ tiếp tục giảm khi Công an tỉnh bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an ở xã*).

- Về mức phụ cấp: Hưởng mức 0,7 mức lương cơ sở/người/tháng.

2.3.2. Đối với ở thôn

a) Nhân viên y tế thôn bản – Cộng tác viên bảo vệ và chăm sóc trẻ em – Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình – cô đỡ thôn bản:

Nhân viên y tế thôn bản thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Cộng tác viên hoạt động công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được quy định tại Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông ngày 23/7/2009 về việc thông qua “quy định chế độ, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắk Nông, trong đó có quy định, *hỗ trợ cho Cộng tác viên hoạt động công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố là 70.000 đồng/người/tháng*.”

Tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh, trong đó có quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản gồm hai mức 0,5 đối với xã thuộc vùng khó khăn và 0,3 đối với xã còn lại; đối với nhân viên y tế ở tổ dân phố (nếu có) ngân sách địa phương hỗ trợ bằng hệ số 0,2 mức lương cơ sở.

Hiện chưa có quy định về chức danh và mức phụ cấp hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố (gọi tắt là thôn, tổ dân phố): Trong khi đó, hiện nay trong quá trình triển khai thực hiện công tác ở một số địa phương cũng đã hình thành đội ngũ cộng tác viên làm công tác BVCSTE để thu thập thông tin, nhưng họ không được hưởng một chế độ phụ cấp nào nên hoạt động không có hiệu quả, người nhiệt tình thì họ làm, người không nhiệt tình thì họ không làm vì họ không bị ràng buộc bởi điều kiện nào. Vì vậy, việc thu thập thông tin

tình hình trẻ em, việc thực hiện các hoạt động phát hiện, can thiệp, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ bị tổn thương tại cơ sở phần lớn vẫn chưa có người phụ trách để theo dõi, giúp đỡ.

Các nhiệm vụ trên đều tương đồng và khối lượng công việc cho mỗi nhiệm vụ không nhiều. Vì vậy, Sở Nội vụ đề xuất bố trí mỗi thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố một Nhân viên y tế thôn, bản - cộng tác viên Bảo vệ và chăm sóc trẻ em – Quản lý Dân số - kế hoạch hóa gia đình – cô đỡ thôn bản bố trí 01 người, về mức phụ cấp cụ thể:

- Đối với vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

- Đối với thôn còn lại: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

- Đối với TDP: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Bồi dưỡng kinh phí hoạt động cho một số người hoạt động ở thôn như sau:

Căn cứ theo quy định tại khoản 6, Điều 2, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, trong đó có quy định bồi dưỡng kinh phí hoạt động cho những người tham gia trực tiếp hoạt động của thôn, tổ dân phố. Sau khi tham khảo một số tỉnh, thành (*thành phố Hà Nội, tỉnh Bình Định, tỉnh Bình Phước*) và theo tình hình thực tế của tỉnh, Sở Nội vụ đề xuất mức bồi dưỡng đối với một số người tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố như sau:

+ Phó Bí thư chi bộ thôn: Bồi dưỡng 800.000 người/tháng.

+ Phó Trưởng thôn : Bồi dưỡng 800.000 người/tháng.

+ Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ: Bồi dưỡng 300.000/người/tháng.

+ Công an viên ở thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 mức lương cơ sở/người/tháng.

2.4. Khoán quỹ phụ cấp

a) Ở cấp xã

Đối với những xã không lựa chọn việc chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo các mức nêu trên thì có thể lựa chọn việc khoán kinh phí như sau:

a) Cấp xã loại 1: Mức khoán là 18,80 mức lương cơ sở/xã/tháng;

b) Cấp xã loại 2: Mức khoán là 18,20 mức lương cơ sở/xã/tháng;

c) Cấp xã loại 3: Mức khoán là 17,60 mức lương cơ sở/xã/tháng.

b) Ở thôn

Đối với những thôn không lựa chọn việc chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn quy định ở trên thì có thể lựa chọn việc khoán kinh phí như sau:

a) Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn, thôn thuộc xã biên giới: Mức khoán là 3,1 mức lương cơ sở/thôn, tổ dân phố/tháng;

b) Thôn còn lại: Mức khoán là 2,8 mức lương cơ sở/thôn, tổ dân phố/tháng.

Về hình thức khoán sẽ tham mưu UBND tỉnh quy định cụ thể sau.

2.5. Phụ cấp kiêm nhiệm

Tại Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh thì mức phụ cấp đối với những người không chuyên trách ở cơ sở chỉ được hưởng 30% mức phụ cấp kiêm nhiệm của chức danh có mức phụ cấp cao nhất, do đó chưa khuyến khích được việc kiêm nhiệm, tinh giảm số lượng, dẫn đến mức thu nhập của người không chuyên trách ở cơ sở chưa cao, kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng giống như kiêm nhiệm 01 chức danh.

Đối với dự thảo Nghị quyết mới, quy định tăng lên mức phụ cấp kiêm nhiệm và quy định rõ về đối tượng kiêm nhiệm, cụ thể:

- Cán bộ, công chức cấp xã chỉ được kiêm nhiệm 01 chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và mức phụ cấp kiêm nhiệm là 50% phụ cấp của chức danh không chuyên trách đó.

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn (*gồm cả đối tượng được bồi dưỡng kinh phí*) chỉ được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh không chuyên trách, trong đó:

+ Ở cấp xã: Mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh là 50% mức phụ cấp của một chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 50% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm đó.

+ Ở thôn: mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh là 60% mức phụ cấp của một chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 60% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm đó.

2.6. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc

Nhằm góp phần sắp xếp, tinh gọn lại đội ngũ không chuyên trách ở cấp xã hợp lý, tạo điều kiện cho họ có thể tăng thêm thu nhập để tìm kiếm công việc khác phù hợp, việc hỗ trợ kinh phí cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp lại là cần thiết.

Vì vậy, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi dôi dư trong quá trình sắp xếp lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy nếu có thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn, có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc theo chế độ được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (*ngoài hưởng chế độ theo BHXH*).

2.7. Hoạt động phí cho 5 đoàn thể ở cấp xã và quà thăm hỏi già làng

Qua khảo sát thực tế tại các địa phương trên địa bàn tỉnh và so sánh với một số tỉnh (*ví dụ: Tỉnh Bình Phước đều trả trên 20.000.000 đồng/tổ chức chính trị, xã hội ở xã/năm*) thì việc tăng hoạt động phí giúp cho các tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã hoạt động có hiệu quả và ổn định hơn. Vì vậy, Sở Nội vụ đề xuất hoạt động phí của các đoàn thể chính trị - xã hội ở cấp xã và quà thăm hỏi già làng như sau:

- Hoạt động phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 15.000.000đ/năm.
- Hoạt động phí của các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên: 12.000.000đ/đoàn thể/năm.
- Quà thăm hỏi già làng: 500.000đ/người/năm.

2.8. Về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Mức 3% bảo hiểm y tế đã được tính trong mức phụ cấp, mức khoán cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Luật Bảo hiểm năm 2014 và các quy định hiện hành.

VI. Dự kiến thời gian trình văn bản

Kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III, tháng 12/2019.

Trên đây là Tờ trình về việc dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDCQ.

GIÁM ĐỐC

Đoàn Văn Quỳnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2019

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG, MỨC PHỤ CẤP VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, BUÔN, BON, BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày của UBND tỉnh Đắk Nông đề nghị ban hành Nghị quyết “Về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”; Báo cáo thẩm tra sốBC-HĐND ngày của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở và các đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Giao cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm báo cáo HĐND tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khoá III, kỳ họp thứ 9 thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu Quốc hội;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Lê Diễn

QUY ĐỊNH
VỀ CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG, MỨC PHỤ CẤP VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH
SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN
TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC Ở CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, BUÔN,
BON, BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày tháng năm
2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là cấp xã*), những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố (*sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố*) và các đối tượng khác công tác ở xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và một số đối tượng khác công tác ở xã, thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chương II
CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG VÀ MỨC PHỤ CẤP VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ,
CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG
CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC
Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Mục 1

NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 3. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

1. Số lượng: Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính, gồm:

- a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 11 người.
- b) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 10 người.
- c) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 09 người.

2. Chức danh và mức phụ cấp/tháng như sau:

a) Phó Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng Công an chính quy), Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ, Cán bộ Văn phòng - Tổ chức Đảng - Kiểm tra Đảng: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,8 so với mức lương cơ sở.

b) Cán bộ Đài truyền thanh - quản lý Nhà văn hoá: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,6 so với mức lương cơ sở.

c) Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở.

d) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở.

e) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự: Thực hiện theo Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2019 của HĐND tỉnh, cụ thể mức phụ cấp bằng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

3. Khoản quỹ phụ cấp:

Đối với những xã không lựa chọn việc chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này thì có thể lựa chọn việc khoán kinh phí như sau:

a) Cấp xã loại 1: Mức khoán là 18,80 mức lương cơ sở/xã/tháng;

b) Cấp xã loại 2: Mức khoán là 18,20 mức lương cơ sở/xã/tháng;

c) Cấp xã loại 3: Mức khoán là 17,60 mức lương cơ sở/xã/tháng.

Mục 2

NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng

Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 03 người.

2. Chức danh và mức phụ cấp/tháng như sau:

a) Bí thư Chi bộ, trưởng thôn: Đối với thôn thuộc các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn thì mức phụ cấp bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở, đối với thôn còn lại mức phụ cấp là 1,1 so với mức lương cơ sở.

b) Trưởng ban Công tác mặt trận thôn: Đối với thôn thuộc các xã biên giới, xã đặc biệt khó khăn thì mức phụ cấp bằng hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở, đối với thôn còn lại mức phụ cấp là 0,6 so với mức lương cơ sở.

3. Khoản kinh phí

Đối với những thôn không lựa chọn việc chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn quy định tại khoản 2 Điều này thì có thể lựa chọn việc khoản kinh phí như sau:

- a) Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn, thôn thuộc xã biên giới: Mức khoán là 3,1 mức lương cơ sở/thôn, tổ dân phố/tháng;
- b) Thôn còn lại: Mức khoán là 2,8 mức lương cơ sở/thôn, tổ dân phố/tháng.

Mục 3

ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 6. Đối với bảo vệ dân phố

1. Số lượng:

- a) Trưởng ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người.
- b) Phó Ban bảo vệ dân phố: Mỗi phường, thị trấn bố trí 01 người.
- c) Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người.
- d) Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí 01 người.
- e) Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mỗi tổ dân phố bố trí không quá 05 người.

2. Mức phụ cấp

- a) Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở.
- b) Phó Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
- c) Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,48 so với mức lương cơ sở.
- d) Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,40 so với mức lương cơ sở.
- e) Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,25 so với mức lương cơ sở.

Điều 7. Đối với Công an viên

1. Công an viên ở cấp xã

- a) Mỗi xã bố trí không quá 02 công an viên (ở những xã chưa bố trí công an chính quy).
- b) Mức phụ cấp: Công an viên ở xã được hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 0,7 so với mức lương cơ sở.

2. Công an viên ở thôn

a) Mỗi thôn bố trí 01 công an viên.

b) Mức phụ cấp: Công an viên ở xã được hưởng mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở.

Điều 8. Nhân viên y tế thôn bản – Cộng tác viên bảo vệ và chăm sóc trẻ em – Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình – cô đỡ thôn bản

1. Số lượng

Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí 01 Nhân viên y tế thôn bản – Cộng tác viên bảo vệ và chăm sóc trẻ em – Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình – cô đỡ thôn bản

2. Mức phụ cấp

Nhân viên y tế thôn bản – Cộng tác viên bảo vệ và chăm sóc trẻ em – Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình – cô đỡ thôn bản được chi trả phụ cấp như sau:

a) Đối với vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 so với mức lương cơ sở.

b) Đối với thôn còn lại: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,6 so với mức lương cơ sở.

c) Đối tổ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.

Điều 9. Bồi dưỡng kinh phí

1. Đối với Phó Bí thư, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố

a) Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 800.000/người/tháng.

b) Phó Trưởng thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 800.000/người/tháng.

2. Đối với các Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 300.000/người/tháng.

Mục 4

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHÁC

Điều 10. Chế độ kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã chỉ được kiêm nhiệm 01 chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và mức phụ cấp kiêm nhiệm là 50% phụ cấp của chức danh không chuyên trách đó.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn (*gồm cả đối tượng được bồi dưỡng kinh phí*) chỉ được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh không chuyên trách, trong đó:

a) Ở cấp xã: Mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh là 50% mức phụ cấp của một chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 50% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm đó.

b) Ở thôn: Mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh là 60% mức phụ cấp của một chức danh kiêm nhiệm. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 60% mức phụ cấp của từng chức danh kiêm nhiệm đó.

Điều 11. Chế độ phụ cấp đặc thù

Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã được hưởng mức phụ cấp đặc bằng 50% mức phụ cấp hiện gồm: Phụ cấp hằng tháng, phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị, phụ cấp thâm niên.

Điều 12. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi dôi dư trong quá trình sắp xếp lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy nếu có thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn, có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc theo chế độ được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 mức phụ cấp hằng tháng hiện hưởng (*ngoài hưởng chế độ theo BHXH*).

Điều 13. Hoạt động phí cho 5 đoàn thể ở cấp xã và quà thăm hỏi già làng

- Hoạt động phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc: 15.000.000đ/năm.

- Hoạt động phí của các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên: 12.000.000đ/đoàn thể/năm.

- Quà thăm hỏi già làng: 500.000đ/người/năm.

Điều 14. Chế độ bảo hiểm y tế

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Mức 3% bảo hiểm y tế đã được tính trong mức phụ cấp, mức khoán cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn.

Điều 15. Chế độ bảo hiểm xã hội

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Giao UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

**BẢNG PHỤ LỤC DỰ KIẾN VỀ CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**
(Kèm theo Công văn số /SNV-XDCQ ngày tháng năm 2019 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông)

Mức phụ cấp đang chi trả theo Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND							Mức phụ cấp dự kiến chi trả theo dự thảo Nghị quyết mới							Số % tăng thêm so với mức cũ
TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Phụ cấp đặc thù	Mức phụ cấp 01 người/thán g	Tổng kinh phí chi trả trong một năm	TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Phụ cấp đặc thù	Mức phụ cấp 01 người/tháng	Tổng kinh phí dự kiến chi trả trong một năm	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	Những người hoạt động không chuyên trách ở xã	1.683				30.000.000.000	A		989				22.000.000.000	
1	Phó Trưởng Công an	66	1,10	0,50	2.571.740	2.036.818.080	1	Phó Công an xã	66	1,80		2.682.000	2.124.144.000	4,29
2	Phó Quân sự	142	1,10	0,50	2.571.740	4.382.244.960	2	Phó Quân sự	142	1,00	0,50	2.235.000	3.808.440.000	-13,09
3	TQ-VT-LT	71	1,10	0,30	2.273.740	1.937.226.480	3	Thủ quỹ-Văn thư-Lưu trữ	71	1,80		2.682.000	2.285.064.000	17,96
4	CB Văn phòng	71	1,00		1.490.000	1.269.480.000	4	CB VP - Tuyên giáo	71	1,80		2.682.000	2.285.064.000	Mới
5	CB Tổ chức Đảng	71	1,00		1.490.000	1.269.480.000	5	CB đài TT - nhà VH	71	1,60		2.384.000	2.031.168.000	Mới
6	Chủ nhiệm UBKT	71	1,00		1.490.000	1.269.480.000	6	Phó CT UBMTTQVN	142	1,20		1.788.000	3.046.752.000	20,00
7	CB Tuyên Giáo	71	1,00		1.490.000	1.269.480.000	7	Chủ tịch Hội NCT	71	1,20		1.788.000	1.523.376.000	20,00
8	Phó CT UBMTTQVN	142	1,00		1.490.000	2.538.960.000	8	Chủ tịch Hội CTĐ	71	1,20		1.788.000	1.523.376.000	20,00
9	CT Hội Người cao tuổi	71	1,00		1.490.000	1.269.480.000	9	Phó BT Đoàn TN	71	1,10		1.639.000	1.396.428.000	22,22
10	CT Hội Chũ thập đỏ	71	1,00		1.490.000	1.269.480.000	10	Phó CT Hội LHPN	71	1,10		1.639.000	1.396.428.000	22,22
11	CB phụ trách đài	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000	11	Phó CT Hội Nông dân	71	1,10		1.639.000	1.396.428.000	22,22
12	CB kỹ thuật đài	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000	12	Phó CT Hội CCB	71	1,10		1.639.000	1.396.428.000	22,22
13	CB QL Nhà văn hóa	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
14	Phó Bí thư Đoàn TN	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
15	Phó CT Hội LHPN	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
16	Phó Chủ tịch Hội ND	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
17	Phó Chủ tịch Hội CCB	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								

18	CB Kế hoạch - Giao thông - Thuỷ lợi - Nông, lâm nghiệp	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
19	Cán bộ Lao động- Thương binh và Xã hội,	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
20	Phó CT Hội NCT	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
21	Phó CT Hội CTĐ	71	0,90		1.341.000	1.142.532.000								
Tổng 24 vị trí/xã							Tổng 15 vị trí/xã							
B	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn				61.423.879.200		B	Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn				36.291.036.000		
							I	Ở thôn ĐBKK, thôn thuộc xã ĐBKK, xã Biên giới				6.152.508.000		
1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn các xã biên giới, xã ĐBKK	222	0,80		1.192.000	3.175.488.000	1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn	222	1,20		1.788.000	4.763.232.000	50,00
2	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn của các xã còn lại	1.204	0,75		1.117.500	16.145.640.000	2	Trưởng Ban công tác Mặt trận	111	0,70		1.043.000	1.389.276.000	100,00
3	Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng thôn các xã biên giới, xã ĐBKK	386	0,55		819.500	3.795.924.000	II	Ở thôn, TDP còn lại				30.138.528.000		
4	Phó Bí thư Chi bộ, Phó Trưởng thôn của các xã còn lại	1.192	0,50		745.000	10.656.480.000	1	Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn	1204	1,10		1.639.000	23.680.272.000	46,67
5	Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn	789	0,35		521.500	4.937.562.000	2	Trưởng Ban công tác Mặt trận	602	0,60		894.000	6.458.256.000	71,43
6	Trưởng 04 đoàn thể (ND, CCB, PN, ĐTN)	3.156	0,21		312.900	11.850.148.800								
7	Phó ban CT mặt trận	789	0,17		253.300	2.398.244.400								
8	Phó 04 đoàn thể (ND, CCB, PN, ĐTN)	3.156	0,15		223.500	8.464.392.000								
14 vị trí/ thôn							3 vị trí/thôn							
C	Chức danh bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn	524				2.173.135.200	C	Chức danh bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn	524				3.322.104.000	
1	Trưởng ban	10	0,46		685.400	82.248.000	1	Trưởng ban	10	0,70		1.043.000	125.160.000	52,17

2	Phó Trưởng	10	0,39		581.100	69.732.000	2	Phó Trưởng ban	10	0,60		894.000	107.280.000	53,85
3	Tổ trưởng	72	0,37		551.300	476.323.200	3	Tổ trưởng	72	0,50		745.000	643.680.000	35,14
4	Tổ phó	72	0,30		447.000	386.208.000	4	Tổ phó	72	0,40		596.000	514.944.000	33,33
5	Tổ viên	360	0,18		268.200	1.158.624.000	5	Tổ viên	360	0,30		447.000	1.931.040.000	66,67
D	Chức danh công an thường trực ở xã và công an viên ở thôn	717				5.848.548.000	D	Phó Công an xã, Chức danh công an thường trực ở xã và công an viên ở thôn					7.851.108.000	
1	Công an viên Thường trực ở xã (dự kiến bố trí 61 xã*2 CA)	89	0,50		745.000	795.660.000	1	Công an viên Thường trực ở xã (dự kiến bố trí 61 xã*2 CA)	89	0,70		1043000	1.113.924.000	40,00
2	Công an viên ở thôn (dự kiến bố trí mỗi thôn 1 CA viên)	628	0,45		670.500	5.052.888.000	2	Công an viên Thường trực ở thôn	628	0,60		894000	6.737.184.000	33,33
F	Phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, tổ dân phố	713				4.878.900.000	F	Phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, tổ dân phố - Bảo vệ chăm sóc trẻ em - Dân số, kế hoạch hóa gia đình					8.925.696.000	
1	Thôn thuộc xã vùng khó khăn theo QĐ của Thủ tướng Chính phủ	429	0,5		745.000	3.577.860.000	1	Thôn thuộc xã vùng khó khăn theo QĐ của Thủ tướng Chính phủ	429	0,80		1192000	6.136.416.000	
2	Thôn thuộc các xã còn lại	212	0,3		447.000	1.060.848.000	2	Thôn thuộc các xã còn lại	212	0,60		894000	2.274.336.000	
3	Tổ dân phố	72	0,20		298.000	240.192.000	3	Tổ dân phố	72	0,40		596000	514.944.000	
G	Cán bộ dân số kế hoạch hóa gia đình (chi theo Nghị quyết 02/2009/NQ-HĐND)					662.760.000	G	Hỗ trợ đối với PBT chi bộ, Phó thôn, Trưởng chi hội (ND, TN, PN, ND)					23.956.800.000	
1	CB Dân số, KHH GD	789	70.000			662.760.000	1	Phó Bí thư	713	800.000		570.400.000	6.844.800.000	
							2	Phó thôn	713	800.000		570.400.000	6.844.800.000	
							3	Trưởng 4 chi hội	2852	300.000		855.600.000	10.267.200.000	
E	Sinh hoạt phí hằng năm của các Hội và quà thăm hỏi già làng	498				2.243.900.000	E	Sinh hoạt phí hằng năm của các Hội và quà thăm hỏi già làng	498				4.544.500.000	
1	UB Mặt trận Tổ quốc	71	7.000.000			497.000.000,00	1	UB Mặt trận Tổ quốc	71	15.000.000			1.065.000.000	114,29

2	Hội Cựu chiến binh	71	6.000.000			426.000.000,00	2	Hội Cựu chiến binh	71	12.000.000			852.000.000	100,00
3	Hội Nông dân	71	6.000.000			426.000.000,00	3	Hội Nông dân	71	12.000.000			852.000.000	100,00
4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	71	6.000.000			426.000.000,00	4	Hội Liên hiệp Phụ nữ	71	12.000.000			852.000.000	100,00
5	Đoàn Thanh niên	71	6.000.000			426.000.000,00	5	Đoàn Thanh niên	71	12.000.000			852.000.000	100,00
6	Quà thăm hỏi già làng	143	300.000			42.900.000,00	6	Quà thăm hỏi già làng	143	500.000			71.500.000	66,67
	Tổng					107.231.122.400		Tổng					106.891.244.000	

- Ghi chú:

- Ngân sách TW hỗ trợ tỉnh/năm là: **65.274.588.000 đ** (gồm ngân sách TW theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ; theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).
- Theo số lượng bố trí tối đa hiện tại ngân sách tỉnh chi là: **41.956.534.400 đ**
- Theo Phương án mới ngân sách tỉnh chi là: **41.616.656.000 đ**
- Mức tính trên lương cơ sở 1.490.000đ.
- Phụ cấp kiêm nhiệm ở xã dự kiến 50%; ở thôn, tổ dân phố dự kiến 60%.